

Bản án số: 16/2023/KDTM-PT

Ngày: 25/9/2023

V/v “*Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến hoạt động của công ty*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Phạm Văn Hợp**

*Các thẩm phán:* ông **Nguyễn Văn Tiến**

ông **Đặng Kim Nhân**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến hoạt động của công ty*”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3040/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đào Phương T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: R12-1 (Khu S), khu phố 3, phường T1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1970, địa chỉ: Khối 15, phường H1, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1974, địa chỉ: 30/16 đường H2, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

+ Ông Trịnh Văn T2, sinh năm 1964, địa chỉ: 590/C5 đường C, phường Y1, Quận Y2, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Nguyễn Đình T3 - Văn phòng luật sư N2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Công ty cổ phần K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đình D - Tổng giám đốc.

2. Ông Hoàng Đình D, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: 227 đường N3, phường T4, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Ông Đào Hoàng L1, sinh năm 1944.

Địa chỉ: 111A (số mới 271) Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn Công ty cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1: Luật sư Nguyễn Xuân H2 và luật sư Chủ Ngọc T5 - Văn phòng luật sư T6, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Đều có mặt.

4. Ông Hoàng Thế D1, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: 227 đường N3, phường T4, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú hiện nay: Số nhà 24, ngõ 189/2, phố G, phường C1, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

5. Ông Hoàng Xuân H3, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Căn hộ D1316, Khu chung cư HL, phường P, Quận Y4, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1952, địa chỉ: P-19-07 Tòa nhà S, quận Đ1, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Tô Anh T7, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 431 đường TX, phường TY, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Đức H5, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 151 đường 2/4, phường V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Ông Trần Văn H6, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 5.12 Chung cư Y4, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu Tr, địa chỉ: 30/16 đường H2, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền ngày 20/10/2020). Có mặt.

5. Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: Khu liên cơ 01, số 01 đường Trần Phú, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Bị đơn gồm Công ty cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1, ông Hoàng Thê D1, ông Hoàng Xuân H3; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tr; nguyên đơn bà Đào Phương T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung các ngày 26/12/2018, 26/3/2019, 26/02/2021, 19/3/2022 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đào Phương T, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Bà Đào Phương T là vợ của ông Trần Văn H; ông H là cháu vợ của ông Hoàng Đình D. Đầu năm 2003, vợ chồng bà T từ nước ngoài về Việt Nam nghỉ phép thì được ông D mời gọi góp vốn để thành lập Công ty cổ phần Đ2 (sau đây viết tắt là Công ty Đ2) làm dự án bất động sản. Lúc đầu, vợ chồng bà T không đồng ý, nhưng ông D thuyết phục vợ chồng bà là sẽ nhờ ông Hoàng Xuân H3 (em

ruột của ông D) đứng tên hộ số cổ phần vốn góp của vợ chồng bà T tại Công ty Đ2 nên vợ chồng bà T đã đồng ý vì thời gian đó quan hệ giữa hai gia đình rất tốt.

Ngày 20/5/2003, Công ty Đ2 thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000057. Ngày 21/8/2004, Công ty Đ2 tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và tách 04 thành viên từ Công ty Đ2 bao gồm các ông Hoàng Xuân H3, Tô Anh T7, Nguyễn Đức H5 và Hoàng Thế D1 (ông D1 là con trai ông D) để thành lập công ty mới có tên Công ty Cổ phần K (sau đây viết tắt là Công ty K).

Khi ông D yêu cầu vợ chồng bà T nộp tiền góp vốn đầu tiên là 300.000.000 đồng đứng tên ông H3 thì vợ chồng bà T phân vân nên đã nhờ ông Trần Văn H6 (em ruột ông H) nghỉ việc ở cơ quan Nhà nước về làm việc tại Công ty Đ2 để quản lý phần vốn góp này cho vợ chồng bà T. Toàn bộ số tiền góp vốn vào Công ty Đ2 và Công ty K đều là tiền của bà T, do ông Trần Văn H6 nộp hộ cho bà T. Đồng thời, ông Hoàng Xuân H3 đã ủy quyền cho ông H6 giám sát và quản lý số cổ phần này.

Ngày 23/6/2016, khi vợ chồng bà T trở về Việt Nam làm việc, ông H3 đã ký hợp đồng chuyển nhượng lại cho bà T toàn bộ số cổ phần mà ông H3 đứng tên hộ bà T tại Công ty K và có Giấy xác nhận của Công ty K về việc hai bên đã hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần. Công ty K đã hoàn thành thủ tục thay đổi cổ đông sáng lập từ ông H3 sang tên bà T tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa (sau đây viết tắt là Phòng Đăng ký kinh doanh). Phòng Đăng ký kinh doanh đã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty K vào ngày 13/7/2016, trong đó có nội dung cập nhật tên bà T là cổ đông sáng lập thay vào tên ông H3. Ông H3 đã kê khai và hoàn thành nghĩa vụ thuế chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật. Sau khi trở thành cổ đông sáng lập của Công ty K, bà T đã tham gia hai cuộc họp gồm: Cuộc họp Hội đồng quản trị vào ngày 24/6/2016 và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào ngày 29/10/2017.

Khi thành lập Công ty K, các cổ đông của Công ty K đã đăng ký vốn điều lệ và đã được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng (mười tỉ đồng). Tổng số cổ phần là 100.000, mệnh giá mỗi cổ phần: 100.000 đồng. Trong đó:

- Ông Hoàng Thế D1 đăng ký góp vốn là 3.000.000.000 đồng, tương đương với 30.000 cổ phần, tỷ lệ 30%.

- Ông Tô Anh T7 đăng ký góp vốn là 3.000.000.000 đồng, tương đương với 30.000 cổ phần, tỷ lệ 30%.

- Ông Nguyễn Đức H5 đăng ký góp vốn là 3.000.000.000 đồng, tương đương với 30.000 cổ phần, tỷ lệ 30%.

- Ông Hoàng Xuân H3 đăng ký góp vốn là 1.000.000.000 đồng, tương đương với 10.000 cổ phần, tỷ lệ 10%.

Nhưng số tiền thực góp của các cổ đông tính đến hết ngày 31/12/2006 là:

- Ông Hoàng Thế D1 đã góp: 489.250.000 đồng.

- Ông Tô Anh T7 đã góp: 1.100.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Đức H5 đã góp: 419.200.000 đồng.

- Bà Đào Phương T (do ông Hoàng Xuân H3 đứng tên hộ) đã góp: 700.000.000 đồng.

Từ năm 2006 đến nay, các cổ đông không góp thêm bất kỳ số tiền nào. Nhiều lần bà T và ông Tô Anh T7 đề nghị bằng văn bản, e-mail yêu cầu ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty K họp Đại hội đồng cổ đông để bầu lại ban lãnh đạo mới của Công ty K và điều chỉnh số cổ phần của các cổ đông cũng như vốn điều lệ của Công ty K theo số tiền đã thực góp đúng quy định tại Điều 112 Luật Doanh Nghiệp 2014. Tuy nhiên, vì yêu cầu này ảnh hưởng xấu đến lợi ích của ông D1 nên với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông D1 đã tiến hành các thủ tục yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty K cấp ngày 13/7/2016 với mục đích xóa tên bà T ra khỏi danh sách cổ đông Công ty K và phục hồi tư cách cổ đông của ông H3.

Ngày 29/10/2017, Công ty K tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp này có sự tham gia của ông H, ông T7 và ông D1. Ông T7 và ông H không biểu quyết thông qua nên không ký vào Biên bản phiên họp nên không đủ điều kiện về tỷ lệ phiếu thống nhất. Nhưng ông D1 lại căn cứ vào Biên bản họp ngày 29/10/2017 này để ban hành Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 bổ nhiệm ông Hoàng Đình D giữ chức danh Tổng giám đốc là vi phạm pháp luật.

Ngày 17/10/2018, Phòng Đăng ký kinh doanh hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty K cấp ngày 13/7/2016 và phục hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Khánh Hà cũ cấp trước đó. Ngày 12/11/2018, bà T đã làm đơn khiếu nại gửi Phòng Đăng ký kinh doanh và đã nhận được phúc đáp trong đó có nêu lý do hủy là do trong danh sách cổ đông có một số chữ ký giả.

Ngày 08/11/2018, ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông Công ty K nhưng không mời bà T

tham gia mà mời ông H3 tham gia với tư cách cổ đông. Bà Thảo chỉ biết được việc này khi các cổ đông khác thông báo cho bà là họ được mời họp Đại hội đồng cổ đông ngày 08/11/2018. Ông H3 đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho bà T phù hợp với pháp luật nên ông H3 không còn tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty K. Việc ông D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị đã mời ông H3 họp Đại hội đồng cổ đông ngày 08/11/2018 mà không mời bà T là việc làm hoàn toàn sai pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà T và các cổ đông khác trong Công ty K.

Việc ông D1 bổ nhiệm ông D làm Tổng Giám đốc Công ty K (theo Quyết định số 16/HĐQT/2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017), tự ý đưa ông Đào Hoàng L1 vào danh sách cổ đông Công ty K và giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và việc Công ty K ra Thông báo số 149/2018/TB ngày 24/12/2018 về việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty K khi chưa được sự đồng ý của tất cả các cổ đông, phiên họp đại hội đồng cổ đông ngày 08/11/2018 của Công ty K là không hợp lệ, không dựa trên cơ sở của Luật Doanh nghiệp năm 2014, mặt khác Công ty K chưa đăng ký giảm vốn điều lệ theo thực góp của các cổ đông theo Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 2014 nhưng Đại hội đồng cổ đông của Công ty K vẫn ban hành nghị quyết tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phần cho các cổ đông của Công ty K là không đúng pháp luật.

Thực tế, từ ngày thành lập đến nay, Công ty Khánh Hà không hoạt động, không có sổ cổ đông cho đến tại phiên tòa ông D mới cung cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi ngày 18/3/2019 (sau ngày nguyên đơn có đơn khởi kiện ngày 15/12/2018) và ngoài số tiền đã đóng nêu trên, không có việc cổ đông đóng thêm tiền như ông D1, ông D khai tại phiên tòa là tất cả cổ đông đã đóng đủ tiền góp vốn.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục khôi phục tư cách cổ đông của bà T và loại bỏ tư cách cổ đông của ông Hoàng Xuân H3 trong Công ty K theo quy định của pháp luật.

- Hủy bỏ Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 về việc bổ nhiệm ông Hoàng Đình D giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty K.

- Buộc Công ty K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị hủy bỏ tất cả những văn bản trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty K tổ chức ngày 08/11/2018, hủy bỏ Thông báo số 149/2018/TB ngày 24/12/2018 về việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty K

- Hủy bỏ tư cách cổ đông và hủy bỏ số cổ phần đối với các cổ đông theo danh sách cổ đông của Công ty K ngày 18/3/2019. Cụ thể:

+ Ông Hoàng Đình D sở hữu 82.500 cổ phần, tương đương giá trị 8.250.000.000 đồng, chiếm 39,286% vốn điều lệ.

+ Ông Đào Hoàng L1, sở hữu 31.500 cổ phần, tương đương giá trị 3.150.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ.

+ Ông Hoàng Xuân H3, sở hữu 21.000 cổ phần, tương đương giá trị 2.100.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.

- Hủy bỏ tư cách cổ đông và chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty K đối với ông Đào Hoàng L1.

- Buộc Công ty K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh số cổ phần của các cổ đông cũng như vốn điều lệ của Công ty K theo đúng số tiền đã thực góp và đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập theo số cổ phần mà các cổ đông đã nộp đủ tiền theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày bổ sung: Hiện nay, ông D đang giữ con dấu và các tài liệu khác của Công ty K và không tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Theo hồ sơ ông D cung cấp thì ông Hoàng Thế D1 bị bệnh tâm thần phân liệt, không đủ tư cách làm Chủ tịch Hội đồng quản trị nên đề nghị Tòa án cử ông Tô Anh T7 là người góp vốn nhiều nhất trong Công ty K tạm thời giữ chức danh này kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty K trong thời gian chờ Công ty K tổ chức Đại hội đồng cổ đông để bầu ra người giữ chức danh theo đúng quy định của pháp luật.

*\* Tại bản tự khai ngày 15/6/2020 và quá trình tố tụng, bị đơn Công ty Khánh Hà, ông Hoàng Thế D1 và ông Hoàng Đình D, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Đối với yêu cầu khôi phục tư cách cổ đông của bà Đào Phương T và hủy bỏ tư cách cổ đông của ông Hoàng Xuân H3: Lợi dụng quan hệ gia đình, bà T đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa cho ông H3 ký Bản thỏa thuận và cam kết ngày 20/6/2016, Giấy xác nhận ngày 23/6/2016 và giả chữ ký của ông H3 trong hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh nhằm chiếm đoạt 10% cổ phần của ông H3 trong Công ty Khánh Hà và để bà T trở thành cổ đông trong Công ty Khánh Hà. Việc này đã bị ông H3 và Công ty K phát hiện kịp thời và báo cáo với Công an, đã có kết luận giám định của phía Công an. Vì vậy, Cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 của Công ty K.

Bà Thảo do sợ bị lộ nên đã giữ hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 của Công ty mãi đến ngày 14/6/2018 mới bàn giao lại cho Công ty K. Ông H3 cũng xác định ông là cổ đông Công ty Khánh Hà, ông H3 không biết bà T là ai, chưa bao giờ gặp và chưa bao giờ bà T đưa tiền nộp cổ phần và nhờ ông H3 đứng tên. Việc ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/6/2016 là có thật, nhưng bà T không trả tiền mà dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông H3 nên đây là tranh chấp giữa bà T và ông H3, Công ty K không liên quan gì đến tranh chấp này. Đề nghị Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Thời điểm chuyển nhượng cổ phần giữa ông H3 và bà T, Công ty K phải làm đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ (đang có hiệu lực tại thời điểm đó), theo đó, việc chuyển nhượng cổ phần phải được làm thủ tục đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh để có sự thay đổi về cổ đông và phải ghi vào sổ cổ đông, chỉ khi đó bà T mới trở thành cổ đông Công ty Khánh Hà theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 126 Luật Doanh nghiệp. Nhưng khi chuyển nhượng cổ phần với ông H3, bà T có sự gian dối nên Cơ quan đăng ký kinh doanh đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 13/7/2016. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa thành và chưa ghi tên bà T vào sổ cổ đông Công ty K nên bà T chưa là cổ đông Công ty K.

Như vậy, nếu bà T có tranh chấp thì là tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty với cổ đông công ty về việc góp vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu Tòa án không đình chỉ việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu của bà Đào Phương T, vì:

Đối với yêu cầu hủy Thông báo số 149/2018/TB ngày 24/12/2018 về việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty K và Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 về việc bổ nhiệm ông Hoàng Đình D giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty K: Công ty K cam kết và đảm bảo rằng việc triệu tập Đại hội cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị này là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà T.

Đối với yêu cầu điều chỉnh số cổ phần của các cổ đông cũng như vốn điều lệ của Công ty K theo đúng số tiền đã thực góp, đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập theo số cổ phần mà các cổ đông đã nộp đủ tiền theo quy định của pháp luật: Trên thực tế, Công ty K mới chỉ một lần tăng vốn và vốn góp ban đầu của các cổ đông sáng lập. Việc tăng vốn lần 1 năm 2018, Công ty K đã thực hiện đúng quy định pháp luật,



các cổ đông đã góp vốn đầy đủ theo đúng số đã đăng ký. Vì còn vướng tranh chấp trong việc chuyển nhượng cổ phần giữa ông H3 và bà T nên Cơ quan đăng ký kinh doanh chưa làm thủ tục đăng ký tăng vốn theo quy định. Việc góp vốn của 04 cổ đông sáng lập đều có chứng từ nhưng đang bị ông Trần Văn H6 (nguyên là cán bộ lãnh đạo Công ty K trước đây) chiếm giữ trái phép. Công ty K cũng cần xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm hiện nay để đánh giá đúng công lao, đóng góp của cổ đông sáng lập. Hơn nữa, bà T không phải là cổ đông Công ty K nên không có quyền đặt ra yêu cầu này. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định lại đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án, yêu cầu ông Trần Văn H6 trả lại toàn bộ hồ sơ, tài liệu của Công ty K.

Đối với yêu cầu hủy bỏ số cổ phần của ông Hoàng Đình D tại Công ty K: Công ty K làm thủ tục tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 21.000.000.000 đồng để phù hợp với Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính Phủ. Việc tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 08/11/2018 và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngày 24/12/2018. Quá trình tăng vốn, Công ty K đã thực hiện đúng quy định pháp luật, ông D là người được mua cổ phần khi tăng vốn, đã thực hiện đầy đủ các quy định của Công ty K và quy định pháp luật nên đã trở thành cổ đông của Công ty K.

- Tại buổi hòa giải ngày 23/4/2021, ông D trình bày: Ông chỉ biết ông H6 có góp vốn vào Công ty K là 500 triệu đồng, thực chất đây là tranh chấp giữa bà T và ông H3 về 10% cổ phần của ông H3 tại Công ty K, Công ty K không liên quan gì đến tranh chấp này.

*\* Theo Đơn trình bày ngày 10/5/2020, đơn yêu cầu độc lập ngày 15/6/2020, bản tự khai ngày 23/5/2022 và quá trình tố tụng, bị đơn ông Hoàng Xuân H3 và người đại diện theo ủy quyền của ông H3 trình bày:*

Ông Hoàng Xuân H3 là cổ đông sáng lập Công ty Đ2 trước đây với tư cách là Phó chủ tịch hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc. Trong thời gian này, ông H3 có làm giấy ủy quyền viết tay, ủy quyền cho ông Trần Văn H6 thay mặt ông giải quyết những công việc của ông tại Công ty Đ2. Sau này Công ty Đ2 tách ra thành lập Công ty K thì ông vẫn là cổ đông sáng lập, sở hữu 10% cổ phần của Công ty K và không hề có giấy ủy quyền gì về công việc và quyền hạn cho ông H6. Ông không có văn bản nào yêu cầu ông H6 đóng tiền vào Công ty K, còn việc ông H6 đóng tiền vào Công ty K là việc riêng của ông H6, không liên quan gì đến cổ phần của ông H3 tại Công ty K.

Về việc ông H3 ký giấy sang nhượng cổ phần của ông tại Công ty K cho bà Đào Phương T: Do có quan hệ gia đình nên ông H3 đồng ý ký giấy sang nhượng cổ phần của ông tại Công ty K cho bà T để làm cơ sở cho bà T làm thủ tục tại Công ty K, nhưng ông H (chồng bà T) đã lợi dụng mối quan hệ gia đình, tin tưởng nhau nên đã đưa ông ký 3 lần khác nhau tại nhà của ông H3, bên lề đường Tô Hiến Thành, bên lề đường Hậu Giang tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H3 chưa bao giờ nhận bất cứ số tiền nào từ bà T về việc chuyển nhượng cổ phần. Ông H còn giả chữ ký ông H3 để làm thủ tục thay đổi tên và thay đổi cấp mới giấy đăng ký kinh doanh của Công ty K. Công ty K đã phát hiện ra sự việc giả chữ ký nên báo cho Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa và Công an tỉnh Khánh Hòa giám định chữ ký giả, sau đó, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa đã hủy Giấy đăng ký kinh doanh có thêm bà Đào Phương T.

Về việc bà T đề nghị hủy tư cách cổ đông và hủy bỏ số cổ phần đối với các cổ đông theo danh sách cổ đông của Công ty K ngày 18/3/2019: Ông H3 đã và đang là cổ đông sở hữu 10% cổ phần tại Công ty K từ trước đến nay. Ngày 08/11/2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty K đã họp về việc tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 21 tỷ đồng và phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu. Để đảm bảo số cổ phần là 10%, ông H3 đã làm thủ tục để nộp phần tăng thêm và làm đầy đủ thủ tục thanh toán theo quy định của pháp luật và Công ty K.

Vì vậy, ông H3 có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án không công nhận bà Đào Phương T có 10% cổ phần trong Công ty K, thừa nhận và giữ nguyên 10% cổ phần của ông H3 tại Công ty K.

*\* Tại bản tự khai các ngày 28/01/2021, 23/5/2022 và quá trình tố tụng, bị đơn ông Đào Hoàng L1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Ông Đào Hoàng L1 hiện là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty K và sở hữu 15% cổ phần. Trước đây, ông L1 là thành viên sáng lập Công ty Đ2, sau đó chia tách thành lập Công ty K. Năm 2017, số cổ phần của ông Nguyễn Đức H5 chia tách thành ông H5 15%, ông L1 15%. Ông Hoàng Xuân H3 là cổ đông sáng lập Công ty Đ2 và Công ty K, ông L1 không biết bà T là ai, bà T chưa bao giờ là cổ đông Công ty K. Khi Công ty K phát hiện 02 chữ ký giả trong hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 thì ông L1 mới biết việc chuyển nhượng cổ phần giữa ông H3 với bà T. Vì vậy, ông L1 yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì bà T chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Việc chuyển nhượng cổ phần giữa ông L1 và ông H5 để trở thành cổ đông sở hữu 15% cổ phần tại Công ty K được thực hiện theo đúng quy định pháp luật và việc góp vốn bổ sung để tăng vốn của Công ty K lên 21 tỷ đồng là theo đúng Quyết định số 149/2018/KH-CV ngày 24/12/2018 của Đại hội đồng cổ đông của

Công ty K. Thủ tục tăng vốn ông đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật và Công ty K.

*\* Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Thế D1 trình bày:* Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông D1 đang sinh sống ở Hà Nội nên không nhận được thông báo của Tòa án. Tuy nhiên, cha của ông D1 là ông Hoàng Đình D có nhận được thông báo của Tòa án về vụ án, việc tham gia tố tụng và thông báo lại cho ông D1 biết nhưng ông không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Ông D1 yêu cầu Tòa án tiếp tục xét xử vụ án và không cần thực hiện lại các thủ tục tố tụng đối với ông. Năm 2020, ông bị đau đầu và phải kê đơn uống thuốc theo chỉ định của bác sĩ, hiện tại tình trạng sức khỏe của ông bình thường và đủ điều kiện tham gia phiên tòa để giải quyết vụ án. Ông xác định bà T là cổ đông Công ty Khánh Hà, ông có ký xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 23/6/2016 giữa ông H3 và bà T, ký giấy xác nhận ngày 23/6/2016 về việc chuyển nhượng cổ phần và ký nội dung Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 24/6/2016. Tất cả cổ đông đã đóng đủ tiền góp vốn là 21 tỷ đồng. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Tại bản tự khai ngày 25/8/2020 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H6 và người đại diện theo ủy quyền của ông H6 trình bày:*

Ông Hoàng Đình D và ông Trần Văn H6 có quan hệ dưỡng - cháu, ông H6 vào N và sinh sống tại nhà ông D. Ông Hoàng Xuân H3 là em trai của ông D. Ông Hoàng Thế D1 là con trai ông D. Ông Trần Văn H là anh trai ông H6. Bà Đào Phương T là vợ của ông H. Ông H, bà T sang Bulgaria học tập, sinh sống cho đến năm 2011 mới về Việt Nam. Các lần ông H về có đến thăm gia đình ông D tại Hà Nội và ông D cũng hay ghé thăm gia đình ông H6 ở Nghệ An.

Năm 2003, ông D có mời ông H góp vốn vào Công ty Đ2 kinh doanh bất động sản nhưng ông H đang ở nước ngoài nên không đứng tên được. Ông D bảo ông H là nhờ em ruột ông D là ông H3 đứng tên hộ ông H. Sau đó ông H, bà T trao đổi với ông H6 và nhờ ông quản lý số vốn góp này nên ông đồng ý.

Vợ chồng ông H, bà T đã tham gia với tư cách cổ đông Công ty Đ2 với số lượng 1.500 cổ phần, tương đương 10% vốn điều lệ Công ty Đ2 với tên cổ đông là ông Hoàng Xuân H3. Vì tại thời điểm đó, ông H6 đang làm trong doanh nghiệp Nhà nước nên không đứng tên giúp cho ông H và bà T được.

Ngày 30/4/2004, ông H3 làm giấy ủy quyền cho ông H6 ký và giải quyết công việc trong phạm vi cổ phần ông H3 đứng tên tại Công ty Đ2. Ông H, bà T đã đưa tiền cho ông H6 nộp tiền góp cổ phần trên danh nghĩa ông H3 với số tiền theo Phiếu thu ngày 06/02/2003 là 300.000.000 đồng.

Năm 2004, Công ty Đ2 tách thành 02 công ty là Công ty Đ2 và Công ty K. Công ty K gồm 04 cổ đông sáng lập là Hoàng Thế D1, Tô Anh T7, Nguyễn Đức H5 và Hoàng Xuân H3. Công ty K đăng ký vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), tổng số cổ phần: 100.000, mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng và đã được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với tỷ lệ vốn góp như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, số tiền thực góp của các cổ đông tại Công ty Khánh Hòa tính đến hết ngày 31/12/2006 đúng như nguyên đơn trình bày.

Ông H6 tiếp tục nhận tiền của ông H, bà T để nộp tiền góp vốn vào Công ty Khánh Hà theo cổ phần đăng ký đứng tên ông H3. Ông H6 khẳng định toàn bộ số tiền mà ông nộp vào Công ty Đ2 và Công ty K là của ông H và bà T, ông H3 không nộp bất kỳ một đồng nào.

Ngày 20/6/2016, ông H3 ký Bản thỏa thuận và cam kết về việc đứng hộ tên và chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho ông H, bà T. Ngày 23/6/2016, ông H3 ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho bà T, có xác nhận của Công ty K và Công ty K đã thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh và được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận số 19889/16 ngày 13/7/2016. Công ty K đã lập danh sách cổ đông có tên bà T theo danh sách cổ đông ngày 24/6/2016. Bà Thảo đã nhiều lần được Công ty K mời họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Do số tiền thực góp của các cổ đông Công ty K rất chênh lệch so với số tiền đăng ký cổ phần nên nhiều lần bà T và ông T7 đề nghị tiến hành họp đại hội đồng cổ đông để bầu lại Hội đồng quản trị, bầu lại chức danh, sắp xếp lại Công ty và điều chỉnh lại tỷ lệ cổ phần theo số tiền thực góp của tất cả các cổ đông nhưng phía Công ty K không thực hiện.

Việc điều chỉnh lại tỷ lệ cổ phần theo số tiền thực góp ảnh hưởng đến quyền lợi vật chất của ông D và ông D1 nên ông D và ông D1 đã tìm mọi thủ đoạn nhằm gạt bỏ tư cách cổ đông của ông H, bà T trong Công ty K như lợi dụng khi bên dịch vụ thay đổi cổ đông trong Công ty K có sai sót về thủ tục hành chính, giả chữ ký một số cổ đông để làm cho xong việc nhưng không báo cho ông H, bà T biết, sau đó tố cáo đến cơ quan điều tra vu khống ông H, bà T chiếm đoạt tài sản là cổ phần của ông H3 và bị đặt việc ông H6 nộp số tiền góp vốn cổ phần cho ông H, bà T là để ông H6 vào làm việc tại Công ty K. Vì vậy, ông H6 thống nhất với nội dung trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà T và yêu cầu Tòa án công nhận bà T là cổ đông Công ty K và xác định tỷ lệ cổ phần của bà T theo đúng số tiền thực tế đã nộp vào Công ty K là 700.000.000 đồng.

*\* Tại văn bản trình bày ý kiến các ngày 15/4/2019, 01/4/2021 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Anh T7 trình bày:*

Ông là cổ đông Công ty K, chiếm 40,6% (thực góp) vốn của Công ty Khánh Hà. Ông đã nhiều lần có văn bản gửi Công ty K và các cơ quan chức năng tố cáo về những việc làm sai trái của ông Hoàng Thế D1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty K nhưng Công ty vẫn tiếp tục sai phạm trong việc quản lý, điều hành, không tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, không điều chỉnh vốn góp của cổ đông theo đúng vốn góp thực tế, cố tình tăng vốn trái quy định pháp luật, nhiều năm liền không tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

Từ năm 2006 đến nay, các cổ đông không góp thêm bất kỳ số tiền nào, ông cũng chỉ đóng 1.100.000.000 đồng, Công ty Khánh Hà không hoạt động, ông không đồng ý việc ông D1 khai tại phiên tòa là tất cả cổ đông đã đóng đủ tiền góp vốn là 21 tỷ đồng, trong đó ông đã đóng đủ 03 tỷ đồng (ông chỉ đóng 1.100.000.000 đồng).

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông không công nhận ông Đào Hoàng L1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Khánh Hà vì thực tế vốn góp của ông tại Công ty K gần 50% nhưng ông không được Công ty Khánh Hà thông báo gì về việc bầu ông L1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*\* Tại Bản tự khai ngày 25/4/2019 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H5 trình bày:* Ông đang là cổ đông Công ty K, ông có góp vốn hơn 400 triệu đồng từ năm 2006. Từ đó đến nay, ông và các thành viên khác đều không có góp vốn thêm. Trên thực tế, các thành viên trong Công ty chỉ góp vốn khoảng 02 tỷ đồng chứ không góp đủ 10 tỷ đồng như trên Giấy phép đăng ký kinh doanh. Ông yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông chưa bao giờ chuyển nhượng cổ phần cho ông L1 và thành viên hội đồng quản trị Công ty K chưa bao giờ bầu ông L1 là thành viên hội đồng quản trị.

*\* Tại Văn bản số 56/P.ĐKKD ngày 05/5/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh trình bày:* Căn cứ khoản 3, 4 Điều 4 Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp: Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân

khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác. Đây là tranh chấp giữa cá nhân và thành viên của doanh nghiệp.

***Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:***

Căn cứ khoản 4 Điều 30, Điều 37 và Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 4, Điều 110, 111, 112, 114, 115, 121, 126, 135, 139, 140, 144, 147 và Điều 152 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**\* Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Phương T:

1.1. Buộc Công ty cổ phần K và ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần K thực hiện các thủ tục khôi phục tư cách cổ đông của bà Đào Phương T và loại bỏ tư cách cổ đông của ông Hoàng Xuân H3 trong Công ty Cổ phần K.

1.2. Hủy Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 về việc bổ nhiệm ông Hoàng Đình D giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần K (bao gồm Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 có ghi căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần K ngày 29/10/2017 và Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 có ghi căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần K ngày 30/10/2017)

1.3. Buộc Công ty Cổ phần K và ông Hoàng Thế D1 với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị hủy bỏ tất cả những văn bản trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần K tổ chức ngày 08/11/2018, hủy bỏ Thông báo số 149/2018/TB ngày 24/12/2018 về việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần K.

1.4. Hủy bỏ tư cách cổ đông và hủy bỏ số cổ phần đối với các cổ đông theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần K ngày 18/3/2019, cụ thể: Ông Hoàng Đình D sở hữu 82.500 cổ phần, tương đương giá trị 8.250.000.000 đồng, chiếm 39,286% vốn điều lệ; ông Đào Hoàng L1, sở hữu 31.500 cổ phần, tương đương giá trị 3.150.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ; ông Hoàng Xuân H3, sở hữu 21.000 cổ phần, tương đương giá trị 2.100.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ. Buộc Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ

tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh số cổ phần của các cổ đông cũng như vốn điều lệ của Công ty Cổ phần K theo đúng số tiền đã thực góp và đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập theo số cổ phần mà các cổ đông đã nộp đủ tiền theo quy định của pháp luật.

1.5. Hủy bỏ tư cách cổ đông và chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần K đối với ông Đào Hoàng L1.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Xuân H3 về yêu cầu Tòa án không công nhận bà Đào Phương T có 10% cổ phần trong Công ty Cổ phần K và bác yêu cầu thừa nhận và giữ nguyên 10% cổ phần của ông Hoàng Xuân H3 tại Công ty Cổ phần K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; quy định về thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, nguyên đơn Đào Phương T, ông Nguyễn Hữu Tr (Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), kháng cáo đề nghị điều chỉnh cổ phần theo thực tế góp vốn của các cổ đông và vốn điều lệ Công ty theo quy định.

Ngày 07/9/2023, các bị đơn Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1, ông Hoàng Thế D1, ông Hoàng Xuân H3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị toà án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm tất cả những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các trình tự, thủ tục về phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Đào Phương T đã mua lại 10% cổ phần của ông Hoàng Xuân H3 đang sở hữu tại Công ty Khánh Hà và được Công ty Khánh Hà xác nhận. Việc Công ty Khánh Hà không ghi tên bà T vào sổ đăng ký cổ đông công ty và không thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Khánh Hà là lỗi của phía Công ty Khánh Hà nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, bà Đào Phương T, ông Nguyễn Hữu Tr, kháng cáo của các bị đơn Công ty

Cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1, ông Hoàng Thế D1, ông Hoàng Xuân H3, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Phương T, ông Nguyễn Hữu Tr, kháng cáo của các bị đơn Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1, ông Hoàng Thế D1, ông Hoàng Xuân H3 là trong thời hạn và hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án được đưa ra giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, ông Hoàng Thế D1 là người có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, nội dung kháng cáo của ông D1 nằm trong các nội dung kháng cáo của các bị đơn khác nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử và xem xét kháng cáo của ông D1 theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Phương T:

[2.1.1] Về yêu cầu buộc Công ty K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty K thực hiện các thủ tục khôi phục tư cách cổ đông của bà Đào Phương T và loại bỏ tư cách cổ đông của ông Hoàng Xuân H3 trong Công ty K:

[2.1.1.1] Công ty Đ2 được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000057, đăng ký lần đầu ngày 20/5/2003, gồm 10 cổ đông sáng lập. Sau đó, 04 cổ đông sáng lập Công ty Đ2 gồm: Ông Hoàng Thế D1, ông Nguyễn Đức H5, ông Tô Anh T7 và ông Hoàng Xuân H3 tách ra thành lập Công ty K và được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000110 ngày 03/9/2004 với vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng (mười tỉ đồng). Tổng số cổ phần là 100.000, mệnh giá mỗi cổ phần: 100.000 đồng. Trong đó:

- Ông Hoàng Thế D1 đăng ký góp vốn là 3.000.000.000 đồng, tương đương với 30.000 cổ phần, tỷ lệ 30%.

- Ông Tô Anh T7 đăng ký góp vốn là 3.000.000.000 đồng, tương đương với 30.000 cổ phần, tỷ lệ 30%.



- Ông Nguyễn Đức H5 đăng ký góp vốn là 3.000.000.000 đồng, tương đương với 30.000 cổ phần, tỷ lệ 30%.

- Ông Hoàng Xuân H3 đăng ký góp vốn là 1.000.000.000 đồng, tương đương với 10.000 cổ phần, tỷ lệ 10%.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty K là ông Hoàng Thế D1- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

[2.1.1.2] Về quá trình góp vốn của cổ đông vào Công ty K:

Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp gồm: Các phiếu thu tiền góp vốn cổ phần do ông Trần Văn H6 là người ký tại mục “*Người nộp tiền*” (có dấu xác nhận của Công ty Đ2 và Công ty Khánh Hà), Bảng kê tổng hợp tình hình góp vốn tính đến hết ngày 09/3/2005, Bảng kê theo dõi chi tiết hình hình góp vốn từ ngày 10/3/2005 đến 25/12/2006 (có chữ ký xác nhận của ông Hoàng Thế D1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của Công ty K), số tiền thực góp của các cổ đông tính đến hết ngày 31/12/2006 là: Ông Hoàng Thế D1 góp: 489.250.000 đồng; ông Tô Anh T7 góp: 1.100.000.000 đồng; ông Nguyễn Đức H5 góp: 419.200.000 đồng và ông Hoàng Xuân H3 góp: 700.000.000 đồng.

Việc góp vốn thực tế nêu trên được bà T, ông H5, ông T7 thừa nhận và phù hợp với chứng từ, sổ ghi chép, bảng kê góp vốn cổ đông và xác nhận của ông Hoàng Thế D1. Ông D1 thừa nhận các chữ ký trong các tài liệu trên là chữ ký của ông D1 và dấu được đóng là của Công ty Khánh Hà nên được công nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hoàng Đình D cung cấp bản sao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi ngày 18/3/2019 và được ông D1 khẳng định các cổ đông đã nộp đủ 21 tỷ đồng nhưng không có chứng từ kèm theo và không được bà T, ông H5, ông T7 thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.1.1.3] Về việc góp vốn của bà Đào Phương T (mang tên ông Hoàng Xuân H3):

Tại phiếu thu số 0001/024 ngày 06/02/2003 do Công ty Đ2 lập, người nộp: ông Hoàng Xuân H3, số tiền: 300.000.000 đồng, thu tiền góp vốn, người trực tiếp nộp tiền: Ông Trần Văn H6.

Tại các phiếu thu do Công ty K lập, thu tiền góp vốn, người nộp tiền: Ông Trần Văn H6, tổng số tiền theo Bảng kê theo dõi chi tiết tình hình góp vốn (tính đến hết ngày 09/3/2005), ông H6 đã nộp: 240.000.000 đồng.

Tại các phiếu thu do Công ty K lập, thu tiền góp vốn, người nộp tiền: Ông Trần Văn H6, tổng số tiền theo Bảng kê theo dõi chi tiết tình hình góp vốn (tính từ ngày 10/3/2005 đến hết ngày 25/12/2006), ông H6 đã nộp: 160.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Trần Văn H6 nộp góp vốn vào Công ty K là 700.000.000 đồng, trong đó: Từ Công ty Đ2 chuyển sang: 300.000.000 đồng và nộp tại Công ty K: 400.000.000 đồng và trùng khớp, phù hợp với việc góp vốn mang tên ông Hoàng Xuân H3 như đã nhận định tại mục [2.1.1.2].

Ông Trần Văn H6 trình bày, toàn bộ số tiền mà ông trực tiếp nộp vào Công ty Đ2 và Công ty K thực chất là tiền của bà Đào Phương T, bà T nhờ ông đứng ra nộp thay và trông nom quản lý số vốn góp giúp cho bà T, ông Hoàng Xuân H3 không nộp bất kỳ một đồng nào mà ông H3 chỉ đứng giúp cho bà T tên cổ đông trong Công ty Đ2 và Công ty K. Ngày 30/8/2004, Công ty cổ phần K chưa tách ra khỏi Công ty Đ2, ông H3 có làm giấy ủy quyền với nội dung ông H3 ủy quyền cho ông H6 được ký và giải quyết công việc trong phạm vi cổ phần ông H3 đứng tên tại Công ty Đ2.

Ngày 20/6/2016, giữa ông Hoàng Xuân H3 với bà Đào Phương T lập Bản thỏa thuận và cam kết đứng hộ tên và chuyển nhượng cổ phần. Theo đó, ông H3 thừa nhận ông H3 đứng tên hộ danh sách cổ đông cho bà T tại Công ty Đ2, sau tách ra Công ty K với tỷ lệ góp vốn là 10% trên tổng số vốn điều lệ 10 tỷ đồng, tương đương với 01 tỷ đồng, tương ứng với 10.000 cổ phần, vì lúc đó bà T đang làm việc tại nước ngoài nên không ký hồ sơ được. Bà Thảo đã chuyển về Việt Nam và ông H3 chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần mà ông H3 đứng hộ tên cho bà T để thuận tiện cho giải quyết công việc. Do ông H3 chỉ đứng hộ tên cho bà T nên giá chuyển nhượng sẽ là 0 VNĐ. Tuy nhiên, để hoàn thiện hồ sơ giấy tờ pháp lý hợp thức hóa cổ phần cho bà T thì trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần mà hai bên ký kết vẫn để là 100.000 VNĐ/1 cổ phần, tương đương với 01 tỷ đồng.

Ngày 23/6/2016, ông H3 đã ký hợp đồng chuyển nhượng lại cho bà T toàn bộ số cổ phần mà ông H3 đứng hộ tên hộ bà T tại Công ty K (có chữ ký xác nhận của ông Hoàng Thế D1 và dấu của Công ty Khánh Hà) và có Giấy xác nhận của Công ty K về việc hai bên đã hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần. Ông H3, bà T đã làm thủ tục kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật.

Ông H3 cho rằng ông không có văn bản nào yêu cầu ông H6 đóng tiền vào Công ty K, còn việc ông H6 đóng tiền vào Công ty K là việc riêng của ông H6. Ông H3 thừa nhận: Do có quan hệ gia đình nên ông H3 đồng ý ký giấy sang nhượng cổ phần của ông tại Công ty K cho bà T để làm cơ sở cho bà T làm thủ tục tại Công ty K, nhưng không nhận bất cứ số tiền nào từ bà T về việc chuyển nhượng cổ phần.

Tài liệu do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (PC03)- Công an tỉnh Khánh Hòa cung cấp, ông Hoàng Xuân H3 khai nhận

về việc góp vốn: Ông không nhớ ông đưa tiền cho ai, hiện ông không có chứng từ về việc góp vốn vào Công ty cổ phần Đ2; từ khi Công ty cổ phần K thành lập đến nay, ông không góp vốn thực tế bằng tiền vào Công ty K.

Như vậy, có cơ sở xác định bà Đào Phương T sở hữu số tiền 700.000.000 đồng góp vốn vào Công ty K, ông Hoàng Xuân H3 chỉ là người đứng hộ tên cổ đông trong Công ty Khánh Hà cho bà T và đã thực hiện việc chuyển nhượng lại cho bà T theo đúng quy định của Điều lệ Công ty Khánh Hà và các quy định của pháp luật.

[2.1.1.4] Về tư cách cổ đông của bà Đào Phương T trong Công ty Khánh Hà:

Ngày 24/6/2016, Công ty cổ phần K đã họp đại hội đồng cổ đông và biểu quyết 100% đồng ý để bà T trở thành cổ đông Công ty Khánh Hà thay thế ông Hoàng Xuân H3. Phía bị đơn cho rằng Biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/BBH/KH-HĐQT ngày 24/6/2016 có nội dung thay đổi thông tin cổ đông sáng lập là bà Đào Phương T là do bà T lập ra, Công ty không tổ chức cuộc họp này nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Biên bản trên là giả, nên không có căn cứ để xem xét.

Ngày 24/6/2016, Hội đồng quản trị Công ty K ban hành Quyết định số 07/QĐ/HĐQT về việc thay đổi cổ đông sáng lập, thay đổi ngành nghề và sửa đổi điều lệ Công ty Khánh Hà, trong đó có nội dung thay đổi cổ đông sáng lập Công ty Khánh Hà là bà Đào Phương T. Cũng trong ngày 24/6/2016, Công ty K ban hành Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong đó có nội dung thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập người chuyển nhượng là ông Hoàng Xuân H3, người nhận chuyển nhượng là bà Đào Phương T gửi Phòng Đăng ký kinh doanh để làm thủ tục đăng ký thay đổi doanh nghiệp. Bà Thảo đã tham gia họp Hội đồng quản trị vào ngày 24/6/2016 và họp Đại hội đồng cổ đông vào ngày 29/10/2017.

Ngày 17/10/2018, Phòng Đăng ký kinh doanh đã hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty K (lần 2) cấp ngày 13/7/2016 và phục hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Khánh Hà lần 1. Ngày 12/11/2018, bà T đã làm đơn khiếu nại gửi Phòng Đăng ký kinh doanh và đã nhận được phúc đáp trong đó có nêu lý do hủy là do trong danh sách cổ đông sáng lập công ty có một số chữ ký giả. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D1 xác định ngoài sai phạm trên, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty K (lần 2) cấp ngày 13/7/2016 bị mất một số ngành nghề kinh doanh nên ông đề nghị hủy bỏ. Trong Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13 tháng 7 năm 2016 được Tòa án thu thập tại Phòng Đăng ký kinh doanh trong mục

“*Cổ đông sáng lập*”, tên cổ đông Hoàng Xuân H3 không thể hiện loại cổ phần, số cổ phần, giá trị cổ phần.

Như vậy, việc Phòng Đăng ký kinh doanh hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty K (lần 2) cấp ngày 13/7/2016 hoàn toàn không do lỗi của bà Đào Phương T, sau khi bị hủy bỏ, Công ty Khánh Hà không làm thủ tục Thông báo thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập cho bà Đào Phương T gửi Phòng Đăng ký kinh doanh để làm thủ tục đăng ký thay đổi doanh nghiệp là không đúng pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, của cổ đông khác và của Công ty.

Phía bị đơn cho rằng, việc chuyển nhượng cổ phần phải được làm thủ tục đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh để có sự thay đổi về cổ đông và phải ghi vào sổ cổ đông, chỉ khi đó bà T mới trở thành cổ đông Công ty Khánh Hà theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 126 Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, bà T không có tên trong Giấy chứng nhận doanh nghiệp không phải lỗi của bà T mà do phía Công ty Khánh Hà không thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Theo quy định của Điều 121 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Khánh Hà thì việc ghi thông tin cổ đông và sổ đăng ký cổ đông là trách nhiệm của Công ty Khánh Hà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D mới cung cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi ngày 18/3/2019 và trình bày: Ngoài Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi ngày 18/3/2019, Công ty Khánh Hà không có sổ cổ đông. Như vậy, không có sổ thì không thể ghi tên bà T vào sổ cổ đông và tính đến trước ngày 18/3/2019, tất cả cổ đông Công ty Khánh Hà đều không có tên trong sổ cổ đông nên không thể yêu cầu bà T phải có tên trong sổ cổ đông của Công ty Khánh Hà.

Như vậy, xét về thực tế số tiền tham gia góp vốn và thủ tục pháp lý liên quan đến chuyển nhượng cổ phần thì bà Đào Phương T là cổ đông sáng lập Công ty K và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014: “*Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần”.

Từ các phân tích trên, có căn cứ, cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục khôi phục tư cách cổ đông của bà T và loại bỏ tư cách cổ đông của ông Hoàng Xuân H3 trong Công ty K theo quy định của pháp luật.

[2.1.2] Về yêu cầu hủy Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 (sau đây viết tắt là Quyết định số 16) về việc bổ nhiệm ông Hoàng Đình D giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty K:

Nguyên đơn cung cấp Quyết định số 16 (bản photo) căn cứ Biên bản họp

Đại hội đồng cổ đông Công ty K ngày 29/10/2017. Trong khi đó, Bị đơn Công ty Khánh Hà (ông Hoàng Đình D) cung cấp Quyết định số 16 căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty K ngày 30/10/2017 và cung cấp Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 30/10/2017 kèm theo. Theo ông D, Quyết định số 16 mà nguyên đơn cung cấp là dự thảo do ông D1 chuyển cho ông H5; Quyết định số 16 mà ông D cung cấp mới là quyết định chính thức có giá trị thi hành. Ông D cũng khẳng định ngày 30/10/2017, Công ty K không họp Đại hội đồng cổ đông, còn riêng phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29/10/2017 ông T7 và ông H không nhất trí nên không ký vào Biên bản họp.

Xét phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29/10/2017 của Công ty K có sự tham gia của ông H (do bà T ủy quyền), ông T7 và ông D1. Ông T7 và ông H không biểu quyết thông qua nên không ký vào Biên bản phiên họp nên không có giá trị vì không đạt đủ điều kiện tỷ lệ phiếu thống nhất, nhưng Chủ tịch Hội đồng quản trị vẫn quyết định bổ nhiệm ông Hoàng Đình D làm Tổng Giám đốc Công ty K theo Quyết định số 16/HĐQT/2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Ngày 30/10/2017, Công ty K không họp Đại hội đồng cổ đông nên không thể có Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 30/10/2017, Chủ tịch Hội đồng quản trị căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 30/10/2017 của Công ty K ban hành Quyết định số 16/HĐQT/2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 bổ nhiệm ông Hoàng Đình D làm Tổng Giám đốc Công ty K là không có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của bà Đào Phương T về việc hủy bỏ Quyết định số 16/HĐQT/KH-QĐ ngày 01/11/2017 là có căn cứ chấp nhận; để giải quyết triệt để vụ án, cần hủy bỏ cả hai quyết định do hai bên đương sự cung cấp về việc bổ nhiệm ông Hoàng Đình D làm Tổng Giám đốc Công ty K.

[2.1.3] Về yêu cầu Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị hủy bỏ tất cả những văn bản trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty K tổ chức ngày 08/11/2018, hủy bỏ Thông báo số 149/2018/TB ngày 24/12/2018 về việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty K:

Ngày 08/11/2018, Công ty K họp Hội đồng cổ đông, bàn thống nhất việc tăng vốn điều lệ Công ty từ 10 tỷ đồng lên 21 tỷ đồng. Tham dự họp gồm có ông Hoàng Thế D1 (chiếm tỷ lệ 18,06% số vốn thực góp) và ông Hoàng Xuân H3 (không phải cổ đông Công ty Khánh Hà). Trong khi đó, các cổ đông sáng lập của Công ty Khánh Hà, gồm bà Đào Phương T, ông Nguyễn Đức H5, ông Tô Anh T7 không được mời họp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì Biên bản họp Hội đồng cổ đông ngày 08/11/2018 không có giá trị pháp lý. Mặt khác theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp

năm 2014 quy định về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thì “*Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty*”, Công ty K không có sổ cổ đông nên việc lập danh sách cổ đông dự đại hội là chưa bảo đảm quy định của pháp luật. Do đó, Thông báo số 149/2018/TB ngày 24/12/2018 của Công ty K về việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty Khánh Hà là không đúng quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà Đào Phương T về việc hủy bỏ Thông báo số 149/2018/TB ngày 24/12/2018 là có căn cứ chấp nhận.

[2.1.4] Về yêu cầu hủy bỏ tư cách cổ đông và hủy bỏ số cổ phần đối với các cổ đông theo danh sách cổ đông của Công ty K ngày 18/3/2019. Cụ thể: Ông Hoàng Đình D sở hữu 82.500 cổ phần, tương đương giá trị 8.250.000.000 đồng, chiếm 39,286% vốn điều lệ; ông Đào Hoàng L1, sở hữu 31.500 cổ phần, tương đương giá trị 3.150.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ; ông Hoàng Xuân H3, sở hữu 21.000 cổ phần, tương đương giá trị 2.100.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ. Buộc Công ty K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh số cổ phần của các cổ đông cũng như vốn điều lệ của Công ty K theo đúng số tiền đã thực góp và đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập theo số cổ phần mà các cổ đông đã nộp đủ tiền theo quy định của pháp luật:

Công ty K được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000110 ngày 03/9/2004 với vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng (mười tỉ đồng). Tổng số cổ phần là 100.000, mệnh giá mỗi cổ phần: 100.000 đồng, phần vốn góp theo điều lệ và phần thực góp của các cổ đông như nhận định tại mục [2.1.1] nêu trên.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 08/11/2018 các cổ đông sáng lập của Công ty, gồm bà Đào Phương T, ông Nguyễn Đức H5, ông Tô Anh T7 không được mời họp là không hợp lệ như nhận định tại mục [2.1.3]; do đó, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần K tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phần cho các cổ đông theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần K không có giá trị pháp lý. Mặt khác, các cổ đông chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua, Công ty K chưa đăng ký giảm vốn điều lệ theo thực góp của các cổ đông theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 2014 nhưng Công ty K vẫn ban hành nghị quyết tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phần cho các cổ đông là không đúng với quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà Đào Phương T buộc bị đơn phải điều chỉnh số cổ phần của các cổ đông cũng như vốn điều lệ của Công ty K theo số tiền thực góp, đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập theo số cổ phần mà các cổ đông đã nộp đủ tiền là có căn cứ và đúng

với quy định tại điểm c khoản 5 Điều 111 Luật Doanh nghiệp năm 2014 (nay được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 2020).

[2.1.5] Về yêu cầu hủy bỏ tư cách cổ đông và chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty K đối với ông Đào Hoàng L1: Tại bản tự khai ngày 28/01/2021, ông Đào Hoàng L1 khai: Ông Nguyễn Đức H5 là cổ đông sáng lập, chiếm 30% cổ phần trong Công ty. Năm 2017, ông H5 chia cho ông L1 1/2 (chiếm 15% cổ phần), ông H5 giữ lại 1/2 (chiếm 15% cổ phần). Tuy nhiên, ông L1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông H5 chuyển nhượng cổ phần cho ông.

Ông Nguyễn Đức H5 trình bày ông chưa bao giờ chuyển nhượng cổ phần cho ông L1 và thành viên hội đồng quản trị Công ty K chưa bao giờ bầu ông L1 là thành viên Hội đồng quản trị.

Các cổ đông sáng lập khác: bà Đào Phương T, ông Tô Anh T7 không biết việc ông Đào Hoàng L1 trở thành cổ đông hợp pháp của Công ty K từ khi nào và họ cũng không được mời họp Đại hội đồng cổ đông cũng như không bầu ông Đào Hoàng L1 vào Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đồng thời, việc Công ty Khánh Hà xác định ông L1 là cổ đông Công ty là mâu thuẫn với chính quan điểm của mình đối với trường hợp không chấp nhận tư cách cổ đông của bà T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy bỏ tư cách cổ đông, hủy bỏ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Đào Hoàng L1 tại Công ty K là có căn cứ.

[2.1.6] Bị đơn ông Hoàng Đình D cho rằng: Bà Đào Phương T lợi dụng quan hệ gia đình, dùng thủ đoạn gian dối và giả chữ ký của ông H3 trong hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh nhằm chiếm đoạt 10% cổ phần của ông H3 trong Công ty Khánh Hà và để bà T trở thành cổ đông trong Công ty Khánh Hà; tài liệu phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là giả; ông Trần Văn H6 có cất giữ con dấu, tài liệu công ty. Tuy nhiên ông D không đưa ra yêu cầu cụ thể, không có tài liệu chứng minh cho trình bày trên, đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản đối, khiếu nại về chứng cứ nên không có căn cứ để xem xét. Đối với các yêu cầu Tòa án trả lại đơn khởi kiện và đình chỉ vụ án, bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định trên, không phù hợp các quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Xuân H3 yêu cầu Tòa án không công nhận bà Đào Phương T có 10% cổ phần trong Công ty K, thừa nhận và giữ nguyên 10% cổ phần của ông H3 tại Công ty K:

Như đã nhận định tại mục [2.1], bà Đào Phương T sở hữu số tiền 700.000.000 đồng góp vốn vào Công ty K, là cổ đông sáng lập Công ty K; ông Hoàng Xuân H3 chỉ là người đứng hộ tên cổ đông trong Công ty Khánh Hà cho

bà T và đã thực hiện việc chuyển nhượng lại cho bà T với đầy đủ năng lực hành vi dân sự, theo đúng quy định của pháp luật; ông Hoàng Xuân H3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông H3 góp vốn vào Công ty Đ2 và Công ty Khánh Hà, ông H3 cũng không khởi kiện, tranh chấp về việc chuyển nhượng cổ phần với bà T. Do đó, yêu cầu của ông Hoàng Xuân H3 là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ các nội dung nêu trên xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Phương T, không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Xuân H3 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Kháng của các bị đơn Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1, ông Hoàng Thế D1, ông Hoàng Xuân H3 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Nguyên đơn kháng cáo đề nghị Toà án tuyên cụ thể về việc điều chỉnh cổ phần theo thực tế vốn góp của các cổ đông và vốn điều lệ Công ty, tuy nhiên do Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Phương T, không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Xuân H3 nên những nội dung kháng cáo này của phía nguyên đơn là không phù hợp, không có cơ sở.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của phía nguyên đơn Đào Phương T, ông Nguyễn Hữu Tr, kháng cáo của các bị đơn Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1, ông Hoàng Thế D1, ông Hoàng Xuân H3 là không có căn cứ và những người kháng cáo không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Phương T, ông Nguyễn Hữu Tr (Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), kháng cáo của



các bị đơn Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1, ông Hoàng Thế D1, ông Hoàng Xuân H3, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 4, Điều 110, 111, 112, 114, 115, 121, 126, 135, 139, 140, 144, 147 và Điều 152 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Phương T:

1.1. Buộc Công ty cổ phần K và ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần K thực hiện các thủ tục khôi phục tư cách cổ đông của bà Đào Phương T và loại bỏ tư cách cổ đông của ông Hoàng Xuân H3 trong Công ty Cổ phần K.

1.2. Hủy Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 về việc bổ nhiệm ông Hoàng Đình D giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần K (bao gồm Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 có ghi căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần K ngày 29/10/2017 và Quyết định số 16/HĐQT2017/KH-QĐ ngày 01/11/2017 có ghi căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần K ngày 30/10/2017)

1.3. Buộc Công ty Cổ phần K và ông Hoàng Thế D1 với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị hủy bỏ tất cả những văn bản trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần K tổ chức ngày 08/11/2018, hủy bỏ Thông báo số 149/2018/TB ngày 24/12/2018 về việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần K.

1.4. Hủy bỏ tư cách cổ đông và hủy bỏ số cổ phần đối với các cổ đông theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần K ngày 18/3/2019, cụ thể: Ông Hoàng Đình D sở hữu 82.500 cổ phần, tương đương giá trị 8.250.000.000 đồng, chiếm 39,286% vốn điều lệ; ông Đào Hoàng L1, sở hữu 31.500 cổ phần, tương đương giá trị 3.150.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ; ông Hoàng Xuân H3, sở hữu 21.000 cổ phần, tương đương giá trị 2.100.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ. Buộc Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Thế D1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh số cổ phần của các cổ đông cũng như vốn điều lệ của Công ty Cổ phần K theo đúng số tiền đã thực góp và đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập theo số cổ phần mà các cổ đông đã nộp đủ tiền theo quy định của pháp luật.

1.5. Hủy bỏ tư cách cổ đông và chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần K đối với ông Đào Hoàng L1.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hoàng Xuân H3 về yêu cầu Tòa án không công nhận bà Đào Phương T có 10% cổ phần trong Công ty Cổ phần K và bác yêu cầu thừa nhận và giữ nguyên 10% cổ phần của ông Hoàng Xuân H3 tại Công ty Cổ phần K.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Bà Đào Phương T, ông Nguyễn Hữu Tr, Công ty Cổ phần K, ông Hoàng Đình D, ông Đào Hoàng L1, ông Hoàng Thế D1, ông Hoàng Xuân H3 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số 0009988 ngày 06/10/2022 và các Biên lai tạm ứng án phí số 0009990, số 0009991, số 0009992, 0009993 và số 0009994 cùng ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Văn Hợp**